

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT MỸ PHƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT MỸ PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MY PHUONG TRADING AND PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MY PHUONG TRADI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108448005

3. Ngày thành lập: 27/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 202, tầng 2, tòa nhà Tiến Phú, Lô 08-3A, khu Công Nghiệp Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462843566

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
2.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
3.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
4.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
5.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
6.	Khai thác gỗ	0220
7.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: - Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên; - Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng tự nhiên...	0232
8.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (Trừ hoạt động tại rừng phòng hộ)	0240
9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
10.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
11.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
12.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
13.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
14.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731

15.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
16.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
17.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
18.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
19.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan Chi tiết: - Nhẫn, vòng tay, vòng cổ - Đồ trang sức bao gồm đá giả như đá ngọc giả, kim cương giả...	3212
20.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây dâu tằm, cây cau, cây trầu không	0129
21.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
22.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
23.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
24.	Bán buôn thực phẩm (Không bao gồm kinh doanh thực phẩm chức năng)	4632
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất	4649
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Kinh doanh vàng bạc trang sức	4662
27.	Bán buôn tổng hợp	4690
28.	Trồng cây mía	0114
29.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Trồng cây lấy sợi	0116
32.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
33.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm Trồng cây hàng năm	0119
34.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
35.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
36.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
37.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
38.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231

39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
40.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
43.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
44.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá)	8299
46.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
47.	Sản xuất đường	1072
48.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
49.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
50.	Bán buôn đồ uống	4633
51.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn đá quý Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh	4669
52.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
53.	Trồng cây ăn quả	0121
54.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
55.	Trồng cây điều	0123
56.	Trồng cây hồ tiêu	0124
57.	Trồng cây cà phê	0126

58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Quảng cáo	7310
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Sản xuất chè	1076
62.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
63.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan Chi tiết: - Sản xuất đá quý và đá bán quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán quý tái phục hồi hoặc nhân tạo; - Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý hoặc đá quý hoặc đá nửa quý, hoặc kim loại quý tổng hợp và đá quý hoặc đá nửa quý	3211
64.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
65.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý; môi giới thương mại (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
66.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
67.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
68.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức lưu động hoặc tại chợ	4789
69.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
70.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
71.	Đại lý du lịch	7911
72.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
73.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm hoạt động sản xuất vàng miếng)	2420
74.	Trồng lúa	0111
75.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác Chi tiết: Các hoạt động gieo trồng ngô (trừ trồng ngô cây làm thức ăn cho gia súc) và các loại cây lương thực có hạt khác như: lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê	0112

76.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
77.	Trồng cây cao su	0125
78.	Trồng cây chè	0127
79.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
80.	Chăn nuôi gia cầm	0146
81.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
82.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
83.	Sản xuất rượu vang	1102
84.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
85.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
86.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
87.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
89.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
90.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
92.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
93.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.	5629
94.	Xuất bản phần mềm	5820

95.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Loại trừ: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình, truyền hình thời sự - chính trị	5911
96.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
97.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch.	7990
98.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
99.	Dịch vụ đóng gói	8292
100.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi	0149
101.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
102.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. - Sản xuất các loại trà dược thảo - Sản xuất sữa tách bơ và bơ	1079(Chính)

103.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự Chi tiết: - Sản xuất mì như mì ống, mì sợi kể cả đã được nấu, nhồi hoặc chưa; - Sản xuất mì nấu thịt; - Sản xuất mì đông lạnh hoặc mì đóng gói.	1074
104.	Sản xuất cà phê	1077
105.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH TIỀN PHÚ	Lô 08-3A khu Công nghiệp Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000	0100515034	
			Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000		
2	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ PHẨM BA ĐÌNH	Số 39 phố Phó Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	21,000	0101072018	
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	21,000		
3	CÔNG TY CỔ PHẦN VANGA GLOBAL	Tầng 4, tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	18,000	0107647103	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	18,000		

4	DƯƠNG PHƯƠNG ANH	Số 3K27 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	18,000	C3270545	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	18,000		
5	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	Số 275, tổ 19B, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	18,000	011609570	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	18,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG PHƯƠNG ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/07/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C3270545

Ngày cấp: 03/05/2017

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3K27 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3K27 Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội